

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: 508 TB/VNECO-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch (Thành viên độc lập)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số 7.4 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Số: 427/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2025, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132, 136) chưa đối chiếu, xác nhận là 401,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 258,3 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 319) chưa được đối chiếu, xác nhận là 378,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 361,4 tỷ VND). Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết về tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, theo đó chúng tôi không xác định được các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa cung cấp được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hội Xuân VNECO để đánh giá khoản đầu tư vào Công ty này với số tiền 30.820.000.000 VND. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng cần phải trích lập theo quy định. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các số liệu cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty hay không.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát, quyết toán các chi phí dở dang của công trình xây lắp. Tuy nhiên, tại ngày 30/6/2025 còn một số công trình Tổng Công ty chưa thực hiện quyết toán với số tiền là 38.737.612.961 VND (tại ngày 31/12/2024 là 38.737.612.961 VND). Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định tính hợp lý và khả năng thu hồi của khoản chi phí này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chi tiêu này hay không, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng tài sản tại ngày 30/6/2025 là 57.759.754.758 VND (tại ngày 01/01/2025 là 92.853.996.708 VND), các khoản nợ ngắn hạn là 112.633.855.391 VND vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 58.624.852.171 VND, số dư nợ gốc và lãi vay quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 60.416.789.223 VND và 15.711.416.612 VND. Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 36.135.119.927 VND; đồng thời lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 30/6/2025 là âm 73.852.594.889 VND. Những điều kiện này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hôi Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả việc tại thời điểm báo cáo, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025 theo quy định tại khoản 2, Điều 139, Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến các bản án của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (Công ty con của Tổng Công ty) và các Ngân hàng về nợ gốc quá hạn, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả. Tại ngày lập Báo cáo, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 chưa nhận được kết luận cuối cùng của Tòa án nhân dân đang thụ lý vụ án.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Tại ngày 30/6/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 393.839.160.485 VND; số dư nợ gốc và lãi vay quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 180.343.451.844 VND và 36.890.002.851 VND. Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty âm 88.280.476.214 VND; đồng thời tại ngày 30/6/2025, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 217.302.704.181 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Tổng Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết số 479 NQ/VNECO-HĐQT ngày 05/8/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+110+120+130+140+150)	100		1.549.890.344.142	1.563.075.262.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.179.635.678	28.138.394.173
1. Tiền	111		22.323.479.609	19.181.469.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.856.156.069	8.956.924.612
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	842.800	9.124.238.654
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.169.052)	(2.470.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.123.696.854
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.003.102.453.434	1.004.869.247.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	647.793.184.933	696.752.987.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	150.751.369.565	151.015.401.645
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	9.323.696.854	200.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	242.620.659.956	204.342.624.651
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(47.386.457.874)	(47.441.765.849)
IV. Hàng tồn kho	140		375.929.466.247	380.302.146.822
1. Hàng tồn kho	141	5.8	375.932.027.494	380.304.708.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.561.247)	(2.561.247)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.677.945.983	140.641.234.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	240.049.841	102.957.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		139.522.711.998	140.252.380.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	915.184.144	285.896.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.599.468.430.315	1.617.474.190.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.270.859.144	7.270.859.144
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	7.270.859.144	7.270.859.144
II. Tài sản cố định	220		731.743.823.598	761.644.833.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	700.489.999.902	730.198.353.197
- Nguyên giá	222		1.042.196.874.168	1.042.010.510.532
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(341.706.874.266)	(311.812.157.335)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	31.253.823.696	31.446.480.424
- Nguyên giá	228		36.524.143.848	36.524.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.270.320.152)	(5.077.663.424)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	102.393.877.459	102.393.877.459
1. Nguyên giá	231		102.393.877.459	102.393.877.459
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	688.567.580.706	671.987.352.064
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		80.043.036.814	79.857.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		608.524.543.892	592.129.500.435
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	39.614.799.916	39.687.484.993
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		11.126.853.626	11.184.577.355
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.335.861.870)	(2.320.900.522)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.877.489.492	34.489.782.998
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	22.013.229.024	24.451.098.340
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	5.071.595.505	7.183.166.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.792.664.963	2.855.518.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.149.358.774.457	3.180.549.452.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.522.577.096.077	2.448.980.637.595
I. Nợ ngắn hạn	310		1.943.729.504.627	1.867.879.795.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	364.659.253.782	364.375.026.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	185.345.626.016	188.857.753.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	6.908.733.005	12.797.047.349
4. Phải trả người lao động	314		18.464.473.596	24.553.053.737
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	248.593.249.790	195.430.211.032
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.279.987	27.429.345
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	56.848.867.542	47.104.736.342
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	1.059.735.948.713	1.031.476.122.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.165.072.196	3.258.416.042
II. Nợ dài hạn	330		578.847.591.450	581.100.841.698
1. Phải trả người bán dài hạn	331		28.109.372.518	27.868.888.025
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	8.742.072.242	8.742.072.242
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	540.952.345.102	543.152.312.972
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	1.043.801.588	1.337.568.459
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		626.781.678.380	731.568.815.032
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	626.781.678.380	731.568.815.032
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.035.198.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.901.059.743)	(87.901.059.743)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.416.928.247	15.416.928.247
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.800.358	187.800.358
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(217.302.704.181)	(129.022.227.967)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(129.022.227.967)	125.736.479.681
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(88.280.476.214)	(254.758.707.648)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.920.930.103	19.427.590.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.149.358.774.457	3.180.549.452.627
(440 = 300+400)				

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết

Chức vụ HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	142.064.380.289	311.589.512.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		142.064.380.289	311.589.512.624
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	154.698.886.730	264.146.039.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(12.634.506.441)	47.443.473.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	96.555.963	793.514.635
7. Chi phí tài chính	22	6.4	69.100.509.975	95.465.398.726
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.665.248.053	92.782.799.172
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(57.723.729)	235.963.388
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	164.874.414	85.249.377
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	18.306.830.221	23.413.429.592
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(100.167.888.817)	(70.491.126.207)
12. Thu nhập khác	31	6.6	336.231.318	1.338.223.668
13. Chi phí khác	32	6.6	1.701.704.239	1.223.129.881
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.365.472.921)	115.093.787
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(101.533.361.738)	(70.376.032.420)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.142.203.807	249.105.620
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	2.111.571.107	276.694.114
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(104.787.136.652)	(70.901.832.154)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(88.280.476.214)	(67.579.159.053)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(16.506.660.438)	(3.322.673.101)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.078)	(825)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	(978)	(748)

Người lập biểu

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(101.533.361.738)	(70.376.032.420)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		30.087.373.659	31.011.859.261
- Các khoản dự phòng	03		(334.414.498)	(2.385.841.535)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		910.589.286	1.280.090.464
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(77.394.317)	(295.435.978)
- Chi phí lãi vay	06		64.665.248.053	92.782.799.172
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(11.112.728.522)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.281.959.555)	40.904.710.442
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.813.004.566	196.213.872.521
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.250.348.472	96.936.368.372
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.803.295.428)	(330.915.841.751)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.300.776.979	954.043.182
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.459.501.027)	(26.370.750.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.942.893.357)	(6.092.195.990)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(93.343.846)	(452.063.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.216.863.196)	(28.821.856.742)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(968.559.173)	(17.629.542.391)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	674.814.815
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.908.784.190
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	518.640.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.394.317	250.637.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(891.164.856)	1.723.334.576
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		96.044.649.102	260.106.024.898
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.895.391.833)	(261.386.216.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.149.257.269	(1.280.191.531)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.041.229.217	(28.378.713.697)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	28.138.394.173	49.943.041.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.288	101.067
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	30.179.635.678	21.564.429.143

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 207 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp, sản xuất điện và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	37,97%	51%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Nam Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

Các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/6/2025 bao gồm:

<u>Tên đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc (*)	10A15 Đầm Trấu, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội.

(*) Chi nhánh đã tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày 20/7/2024 đến hết ngày 30/5/2025 theo Thông báo số 670 TB/VNECO-TH ngày 12/7/2024 của Tổng Công ty.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12, Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1, Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng, Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung, Công ty TNHH Đầu tư VNECO, Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO, Công ty Cổ phần VNECO-RME.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 393.839.160.485 VND; số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 180.343.451.844 VND và 36.890.002.851 VND. Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty âm 88.280.476.214 VND; đồng thời tại ngày 30/6/2025, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 217.302.704.181 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã làm việc với các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - Chi nhánh Hải Vân, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh về lộ trình xử lý và thanh toán các khoản nợ gốc và lãi.

Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 4 năm.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Hợp đồng xây dựng***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.315.912.588	1.529.432.908
Tiền gửi ngân hàng	20.007.567.021	17.652.036.653
Các khoản tương đương tiền	7.856.156.069	8.956.924.612
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	7.856.156.069	8.956.924.612
Tổng	30.179.635.678	28.138.394.173

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 1,5%/năm đến 1,8%/năm.

Số dư các khoản tương đương tiền dùng để cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 7.774.933.414 VND (tại ngày 31/12/2024 là 8.875.701.957 VND).

5.2. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	842.800	(2.169.052)	3.011.852	541.800	(2.470.052)
Tổng	3.011.852	842.800	(2.169.052)	3.011.852	541.800	(2.470.052)

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/6/2025 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ (Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9: 301 cổ phiếu).

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854
Tổng	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**c. Đầu tư vào Công ty liên kết***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			7.343.170.000	11.126.853.626	7.343.170.000	11.184.577.355
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	47,11%	47,11%	4.703.750.000	7.590.502.909	4.703.750.000	7.329.166.778
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	20,00%	20,00%	2.639.420.000	3.536.350.717	2.639.420.000	3.855.410.577
Tổng			7.343.170.000	11.126.853.626	7.343.170.000	11.184.577.355

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác	30.823.808.160		(2.335.861.870)	30.823.808.160		(2.320.900.522)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)	179.472	68.000	-	179.472	68.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)	916.740	178.200	-	916.740	178.200	-
Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)	1.913.808	478.400	-	1.913.808	478.400	-
Công ty Cổ phần Sông Ba (i)	48.140	208.250	-	48.140	208.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO	30.820.000.000	(ii)	(2.335.861.870)	30.820.000.000	(ii)	(2.320.900.522)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)	750.000	750.000	-	750.000	750.000	-
Tổng	30.823.808.160		(2.335.861.870)	30.823.808.160		(2.320.900.522)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/6/2025 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.
- Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3. Phải thu khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	647.793.184.933	696.752.987.290
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	187.511.671.722	187.511.671.722
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	43.860.915.558	45.564.721.307
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	33.556.806.394	71.493.210.728
Công ty Cổ phần VINATEKCOM	44.657.000.000	44.657.000.000
Công ty Cổ phần công nghệ 3T & NET	42.877.000.000	49.857.000.000
Các đối tượng khác	295.329.791.259	297.669.383.533
Tổng	647.793.184.933	696.752.987.290

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

1.953.210.339

2.163.486.725

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

Giá trị quyền đòi nợ các khoản phải thu dùng để đảm bảo các khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 433.277.018.393 VND (tại ngày 31/12/2024 là 433.277.018.393 VND).

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty TNHH xây dựng và thương mại FELIX	39.057.260.651	37.145.333.102
Các đối tượng khác	86.201.086.187	88.377.045.816
Tổng	150.751.369.565	151.015.401.645

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.

5.5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Nguyễn Đăng Mãi	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	9.123.696.854	-
Tổng	9.323.696.854	200.000.000

(*) Hợp đồng thu xếp vốn số 03/2025/HĐMT/REENIZE-POWCON ngày 06/01/2025 giữa Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO và Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Số tiền thu xếp vốn: 9.123.696.854 VND; Thời hạn thu xếp vốn: 12 tháng; Phí thu xếp vốn: Không tính phí thu xếp vốn; Tài sản đảm bảo: Không có.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a -DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6. Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	242.620.659.956	(11.490.000.000)	204.342.624.651	(11.490.000.000)
Ký cược, ký quỹ	3.935.148.000	-	528.345.006	-
Tạm ứng	130.127.573.856	-	78.255.271.479	-
Phải thu khác	108.557.938.100	-	125.559.008.166	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	61.579.748.641	-	61.579.748.641	-
Phải thu khác	35.488.189.459	-	52.489.259.525	-
Dài hạn	7.270.859.144	-	7.270.859.144	-
Ký cược, ký quỹ	7.270.859.144	-	7.270.859.144	-
Tổng	249.891.519.100	(11.490.000.000)	211.613.483.795	(11.490.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các bên liên quan	64.585.045.333	-	28.302.503.608	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.

5.7. Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	47.472.443.484	85.985.610	47.527.751.459	85.985.610
Dự phòng phải thu khó đòi	47.386.457.874		47.441.765.849	
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 6 tháng-1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà				11.490.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Duy				19.652.541.963
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất				10.031.977.660
Công nghiệp Thăng Long				6.297.923.861
Các khoản nợ xấu khác				
Tổng				47.472.443.484

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.117.734.312	-	12.885.515.593	-
Công cụ, dụng cụ	1.635.462.650	-	1.718.034.530	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	333.370.733.644	-	335.254.463.959	-
- Công trình ĐZ 500kV	28.353.731.155	-	27.747.837.151	-
Quảng Trạch - Dốc Sỏi				
- Công trình ĐZ 220kV đầu nối DA Điện gió Cà Mau 1	79.177.911.285	-	79.152.913.618	-
vào lưới điện Quốc Gia				
- Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1	28.085.940.778	-	28.085.940.778	-
- Công trình khác	197.753.150.426	-	200.267.772.412	-
Thành phẩm	3.259.454.125	(2.561.247)	2.897.534.359	(2.561.247)
Hàng hóa	27.548.642.763	-	27.549.159.628	-
Tổng	375.932.027.494	(2.561.247)	380.304.708.069	(2.561.247)

5.9. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	240.049.841	102.957.504
Công cụ dụng cụ	11.539.165	33.524.569
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	228.510.676	69.432.935
Dài hạn	22.013.229.024	24.451.098.340
Công cụ dụng cụ	436.586.103	519.259.716
Chi phí phạt hủy hợp đồng vay trước hạn	21.000.000.000	23.250.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	576.642.921	681.838.624
Tổng	22.253.278.865	24.554.055.844

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	624.213.637.450	303.521.950.512	113.226.637.752	1.048.284.818	-	1.042.010.510.532
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	186.363.636	186.363.636
Mua trong kỳ	-	-	-	-	186.363.636	186.363.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	624.213.637.450	303.521.950.512	113.226.637.752	1.048.284.818	186.363.636	1.042.196.874.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	152.047.639.996	116.273.598.112	42.795.036.488	695.882.739	-	311.812.157.335
Tăng trong kỳ	16.614.415.174	9.240.054.563	4.032.928.570	5.782.660	1.535.964	29.894.716.931
Khấu hao trong kỳ	16.614.415.174	9.240.054.563	4.032.928.570	5.782.660	1.535.964	29.894.716.931
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	168.662.055.170	125.513.652.675	46.827.965.058	701.665.399	1.535.964	341.706.874.266
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	472.165.997.454	187.248.352.400	70.431.601.264	352.402.079	-	730.198.353.197
Tại 30/6/2025	455.551.582.280	178.008.297.837	66.398.672.694	346.619.419	184.827.672	700.489.999.902

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 82.752.647.832 VND (tại ngày 31/12/2024 là 79.961.322.933 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 685.482.350.041 VND (tại ngày 31/12/2024 là 710.829.774.576 VND).

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	4.448.377.104	50.086.320	579.200.000	5.077.663.424
Tăng trong kỳ	192.656.728	-	-	192.656.728
Khấu hao trong kỳ	192.656.728	-	-	192.656.728
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	4.641.033.832	50.086.320	579.200.000	5.270.320.152
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	31.446.480.424	-	-	31.446.480.424
Tại 30/6/2025	31.253.823.696	-	-	31.253.823.696

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.289 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đào Duy Từ phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, nguyên giá 1.257.477.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 629.286.320 VND (tại ngày 31/12/2024 là 629.286.320 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 15.893.728.063 VND (tại ngày 31/12/2024 là 16.086.384.790 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2025 VND
a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	102.393.877.459	-	-	102.393.877.459
Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	-	100.067.947.467
Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	-	2.325.929.992
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	102.393.877.459	-	-	102.393.877.459
Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	-	100.067.947.467
Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	-	2.325.929.992

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 762005 ngày 11/7/2022 thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 1 tại số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 398,0 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 535958 ngày 18/7/2019 thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 1 tại số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30,4 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 1 tại số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 46,8 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2007 thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 26,17 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 24,7 m², thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 102.393.877.459 VND (tại ngày 31/12/2024 là 102.393.877.459 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13. Tài sản dở dang dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang	80.043.036.814	80.043.036.814	79.857.851.629	79.857.851.629
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (i)	80.043.036.814	80.043.036.814	79.857.851.629	79.857.851.629
Chi phí XDCB dở dang	608.524.543.892	608.524.543.892	592.129.500.435	592.129.500.435
Dự án siêu thị Greenmart (ii)	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673
Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong (iii)	530.747.033.554	530.747.033.554	514.351.990.097	514.351.990.097
Các dự án khác	5.360.658.665	5.360.658.665	5.360.658.665	5.360.658.665
Tổng	688.567.580.706	688.567.580.706	671.987.352.064	671.987.352.064

(i) Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng tại khu quy hoạch An Vân Dương phường Phú Mỹ, thành phố Huế; Diện tích dự án: 431.064 m²; Các hạng mục chính bao gồm: san nền, giao thông và tổ chức giao thông; thoát nước thải; thoát nước mặt; cấp nước; cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng; công viên, cây xanh; rà phá bom mìn, đền bù giải tỏa và một số hạng mục khác; Tổng mức đầu tư dự án theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả đấu thầu Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng là 231,825 tỷ đồng.

(ii) Dự án Khu siêu thị Xanh Đà Nẵng - Green Mart tại số 66 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng: Bao gồm hạng mục khối siêu thị 04 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 15.594 m². Đến thời điểm 30/6/2025, dự án chưa hoàn thiện, tạm ngưng triển khai do chưa hoàn thành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định. Dự án hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(iii) Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong có địa điểm tại xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000375 chứng nhận lần đầu ngày 14/05/2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021 với tổng công suất là 30.4 MW. Dự án đang được thế chấp cho khoản vay tại Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo hợp đồng mua bán nợ số 12529/MN/HĐMBN ngày 26/10/2023.

5.14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.071.595.505	7.183.166.613
Tổng	5.071.595.505	7.183.166.613

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	364.659.253.782	364.659.253.782	364.375.026.990	364.375.026.990
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	10.393.282.882	10.393.282.882	10.393.282.882	10.393.282.882
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	4.539.003.332	4.539.003.332	4.390.910.483	4.390.910.483
Công ty CP Điện lực LICOGI 16	19.040.953.147	19.040.953.147	59.651.963.608	59.651.963.608
Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	1.456.254.708	1.456.254.708	1.456.254.708	1.456.254.708
Các đối tượng khác	324.517.141.290	324.517.141.290	283.769.996.886	283.769.996.886
Dài hạn	28.109.372.518	28.109.372.518	27.868.888.025	27.868.888.025
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025
Các đối tượng khác	240.484.493	240.484.493	-	-
Tổng	392.768.626.300	392.768.626.300	392.243.915.015	392.243.915.015
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.521.573.768</i>	<i>19.521.573.768</i>	<i>21.178.243.925</i>	<i>21.178.243.925</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

5.16. Người mua trả tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	185.345.626.016	188.857.753.060
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	99.820.774.248	99.820.774.248
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	16.044.545.682	22.899.163.489
Các đối tượng khác	69.480.306.086	66.137.815.323
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	194.087.698.258	197.599.825.302
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>942.140.680</i>	<i>902.161.649</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a -DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	12.797.047.349	3.324.588.142	9.212.902.486	6.908.733.005
Thuế giá trị gia tăng	2.650.554.425	1.604.658.047	2.621.302.358	1.633.910.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.914.468.836	1.142.203.807	6.233.792.969	4.822.879.674
Thuế thu nhập cá nhân	217.810.550	71.681.963	149.710.811	139.781.702
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	281.553.902	-	281.553.902
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.213.538	224.490.423	208.096.348	30.607.613
Phải thu	285.896.665	79.812.909	709.100.388	915.184.144
Thuế giá trị gia tăng	122.082.099	69.812.909	-	52.269.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	709.100.388	709.100.388
Thuế thu nhập cá nhân	58.931.641	-	-	58.931.641
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	104.882.925	10.000.000	-	94.882.925

5.18. Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	248.593.249.790	195.430.211.032
Lãi vay phải trả	209.179.114.383	138.735.083.719
Trích trước chi phí công trình	35.216.663.627	32.798.138.743
Chi phí phải trả khác	4.197.471.780	23.896.988.570
Tổng	248.593.249.790	195.430.211.032

5.19. Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	56.848.867.542	47.104.736.342
Kinh phí công đoàn	1.649.374.143	1.491.368.610
Bảo hiểm xã hội	4.428.208.508	3.918.356.186
Cổ tức phải trả	996.218.125	996.218.125
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.775.066.766	40.698.793.421
<i>Phạm Đỗ Minh Triết</i>	<i>1.638.715.681</i>	<i>1.060.000.000</i>
<i>Lãi vay, lãi chậm thanh toán</i>	<i>22.561.994.204</i>	<i>18.373.793.558</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>25.574.356.881</i>	<i>21.264.999.863</i>
Tổng	56.848.867.542	47.104.736.342
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư phải trả khác với các bên liên quan</i>	<i>1.638.715.681</i>	<i>1.060.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

5.20. Dự phòng phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn	1.043.801.588	1.337.568.459
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.043.801.588	1.337.568.459
Tổng	1.043.801.588	1.337.568.459

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21. Vay và nợ tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị					
Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	1.059.735.948.713	1.059.735.948.713	96.465.250.676	68.205.423.963	1.031.476.122.000	1.031.476.122.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	820.010.040.727	820.010.040.727	96.465.250.676	68.205.423.963	791.750.214.014	791.750.214.014
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	292.830.037.798	292.830.037.798	16.275.409.256	14.514.663.184	291.069.291.726	291.069.291.726
Các đối tượng khác	75.401.733.239	75.401.733.239	-	143.403.731	75.545.136.970	75.545.136.970
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	176.251.014.669	176.251.014.669	17.885.700.269	-	158.365.314.400	158.365.314.400
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	275.527.255.021	275.527.255.021	62.304.141.151	53.547.357.048	266.770.470.918	266.770.470.918
Các đối tượng khác	239.725.907.986	239.725.907.986	-	-	239.725.907.986	239.725.907.986
Dài hạn						
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	123.880.298.417	123.880.298.417	-	-	123.880.298.417	123.880.298.417
Các đối tượng khác	115.803.472.868	115.803.472.868	-	-	115.803.472.868	115.803.472.868
	42.136.701	42.136.701	-	-	42.136.701	42.136.701
Tổng	540.952.345.102	540.952.345.102	490.000.000	2.689.967.870	543.152.312.972	543.152.312.972
	483.390.023.387	483.390.023.387	-	-	483.390.023.387	483.390.023.387
	57.562.321.715	57.562.321.715	490.000.000	2.689.967.870	59.762.289.585	59.762.289.585
Tổng	1.600.688.293.815	1.600.688.293.815	96.955.250.676	70.895.391.833	1.574.628.434.972	1.574.628.434.972
Trong đó:						
Số dư vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan	11.659.529.720	11.659.529.720	6.743.029.720	4.754.999.998	9.671.499.998	9.671.499.998

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (3)
- Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023; Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay: Bỏ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Đảm bảo tiền vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể sau:
- Các phương tiện vận tải theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 VND và 4.095.000.000 VND;
 - Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.

(4) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020: Số tiền vay: 4.800.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.
- Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020: Số tiền vay: 19.700.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư dự án Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất.
- Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020: Số tiền vay: 5.500.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung.
- Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021: Số tiền vay: 175.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung. Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (5) Theo Hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HĐMBN “Về: Mua bán khoản nợ tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1” ngày 26/10/2023 với tổng dư nợ gốc tại thời điểm mua bán là 651.390.023.387 VND. Mục đích vay: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: Trả nợ tối đa 78 tháng kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Lãi suất vay: Lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất cho thời hạn trả nợ trên 60 tháng được công bố từng thời kỳ cụ thể; Hình thức đảm bảo tiền vay: Các tài sản đảm bảo theo được chi tiết như sau:
- Toàn bộ dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” công suất 30,4MW tại xã Hòa Thắng, xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình và phường Mũi né, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền sử dụng đất/quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản hình thành trong tương lai là CTXD trên đất và toàn bộ MMTB (bao gồm hệ thống trạm biến áp, đường dây đầu nối) của dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”; Toàn bộ quyền tài sản và các quyền lợi, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển và khai thác dự án “Nhà máy điện gió Thuận nhiên Phong”
 - Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);
 - Toàn bộ phần vốn góp (Tối thiểu 440 tỷ đồng, tương đương 100% vốn góp) tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1;
 - Cổ phiếu (chấp nhận cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa 8,3 triệu cổ phiếu) của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
 - Tiền gửi theo Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi mở tại HD Bank.

5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	904.329.530.000	2.039.888.383	7.095.055.143	(87.627.513.743)	16.763.832.141	187.800.358	124.543.299.726	39.253.756.591	1.006.585.648.599
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(254.758.707.648)	(11.042.561.627)	(265.801.269.275)
Thoái vốn Công ty con	-	(4.689.930)	-	-	(1.346.903.894)	-	1.351.593.824	(8.990.087.080)	(8.990.087.080)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	(273.546.000)	-	-	(158.413.869)	206.482.657	(225.477.212)
Số dư tại 31/12/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	7.095.055.143	(87.901.059.743)	15.416.928.247	187.800.358	(129.022.227.967)	19.427.590.541	731.568.815.032
Số dư tại 01/01/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	7.095.055.143	(87.901.059.743)	15.416.928.247	187.800.358	(129.022.227.967)	19.427.590.541	731.568.815.032
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(88.280.476.214)	(16.506.660.438)	(104.787.136.652)
Số dư tại 30/6/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	7.095.055.143	(87.901.059.743)	15.416.928.247	187.800.358	(217.302.704.181)	2.920.930.103	626.781.678.380

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn góp các cổ đông	816.428.470.257	816.428.470.257
Cổ phiếu quỹ	87.901.059.743	87.901.059.743
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.522.702	8.522.702
Cổ phiếu phổ thông	8.522.702	8.522.702
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.910.251	81.910.251
Cổ phiếu phổ thông	81.910.251	81.910.251
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.23. Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**a. Ngoại tệ**

	30/6/2025		1/1/2025	
Ngoại tệ các loại	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
USD	27,63	715.893	34,23	874.611
Tổng	27,63	715.893	34,23	874.611

b. Nợ khó đòi đã xử lý

		30/06/2025	01/01/2025
	Năm xử lý	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lã Thị Thủy Vân	2021	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	2021	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	2021	8.890.162.851	8.890.162.851
Tổng		107.438.736.730	107.438.736.730

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán điện	47.922.475.294	-
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.432.907.977	96.384.688.809
Doanh thu hoạt động xây dựng	85.159.783.500	214.690.679.042
Doanh thu hoạt động khác	549.213.518	514.144.773
Tổng	142.064.380.289	311.589.512.624
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>187.269.786</i>	<i>-</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán điện	21.060.018.099	-
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.024.747.356	59.351.848.990
Giá vốn hoạt động xây dựng	124.396.463.347	204.546.562.679
Giá vốn hoạt động khác	217.657.928	247.627.490
Tổng	154.698.886.730	264.146.039.159

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.394.317	577.803.829
Lãi chậm trả, chậm thanh toán	19.149.358	215.609.739
Doanh thu tài chính khác	12.288	101.067
Tổng	96.555.963	793.514.635
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.149.358</i>	<i>-</i>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	64.665.248.053	92.782.799.172
Lãi thoái vốn Công ty con	-	232.742.591
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ	910.601.574	1.280.191.531
Dự phòng đầu tư tài chính	14.660.348	(60.200)
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.510.000.000	1.169.725.632
Tổng	69.100.509.975	95.465.398.726
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan:</i> (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	574.484.795	-

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí bán hàng	164.874.414	85.249.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.874.414	85.249.377
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.306.830.221	23.413.429.592
Chi phí nhân viên quản lý	7.313.037.789	12.053.279.042
Chi phí vật liệu quản lý	34.270.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.697.616	830.411.570
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.043.785.971	6.823.223.732
Thuế phí và lệ phí	524.971.931	945.620.997
Chi phí dự phòng	(55.307.975)	(2.315.720.473)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.168.090	1.462.670.890
Chi phí bằng tiền khác	1.359.206.799	3.613.943.834
Tổng	18.471.704.635	23.498.678.969

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a -DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	-	119.000.000
Lãi thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	-	157.947.813
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	293.766.871	158.968.425
Tiền phạt thanh toán chậm	-	424.563.381
Thu nhập khác	42.464.447	477.744.049
Tổng	336.231.318	1.338.223.668
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	1.527.452.464	556.322.743
Lỗ thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	-	440.214.597
Chi phí khác	174.251.775	226.592.541
Tổng	1.701.704.239	1.223.129.881
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.365.472.921)	115.093.787

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	1.142.203.807	249.105.620
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.142.203.807	249.105.620

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.111.571.107	276.694.114
Tổng	2.111.571.107	276.694.114

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(88.280.476.214)	(67.579.159.053)
Công ty mẹ		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(88.280.476.214)	(67.579.159.053)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	81.910.251	81.910.251
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.078)	(825)

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(88.280.476.214)	(67.579.159.053)
Công ty mẹ		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(88.280.476.214)	(67.579.159.053)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	81.910.251	81.910.251
Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán ra (cổ phiếu) (*)	8.377.720	8.377.720
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(978)	(748)

(*) Ngày 18/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 12 NQ/VNECO-HĐQT về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán là 8.377.720 cổ phiếu; Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn lưu động; Giá bán: Theo quy chế giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; thời gian dự kiến giao dịch: quý 3 và quý 4 năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty chưa hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết nêu trên.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.567.949.339	43.094.221.636
Chi phí nhân công	16.155.009.468	30.916.262.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.087.373.659	31.011.859.261
Chi phí dự phòng	153.452.460	(2.315.720.473)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.503.788.170	126.735.773.151
Chi phí khác bằng tiền	7.455.976.581	14.369.372.617
Tổng	187.923.549.677	243.811.768.715

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban điều hành

Nội dung	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát	Lương, thưởng và thù lao	2.833.136.029	2.863.077.092

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	420.000.000
Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Tổng		984.000.000	984.000.000
Ban Kiểm soát			
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Đức Thường	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Tổng		198.000.000	198.000.000
Ban điều hành			
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	414.377.447	400.536.707
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	230.429.903	253.777.873
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	230.854.856	253.786.461
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	230.274.515	252.741.828
Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	244.749.688	230.113.080
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	240.449.620	230.121.143
Tổng		1.651.136.029	1.681.077.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
Bán hàng			187.269.786	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Giá trị xây lắp hoàn thành	187.269.786	-
Mua hàng			80.999.100	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Giá trị xây lắp hoàn thành	80.999.100	-
Vay			6.743.029.720	4.160.800.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	-	39.800.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay tiền	220.000.000	4.121.000.000
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	6.523.029.720	-
Trả gốc vay			4.754.999.998	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Trả vay	1.500.000.000	-
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Trả vay	3.254.999.998	-
Doanh thu hoạt động tài chính			19.149.358	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	19.149.358	-
Chi phí tài chính			574.484.795	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Lãi vay	574.484.795	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng			1.953.210.339	2.163.486.725
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Bán hàng, thi công xây dựng	1.953.210.339	2.163.486.725
Phải thu khác			64.585.045.333	28.302.503.608
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải thu khác	4.520.548	4.520.548
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Phải thu khác	2.270.253.495	2.059.977.109
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	6.460.719.993	749.999.999
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	44.499.403.625	13.106.288.918
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	50.000.000	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Tạm ứng	11.300.147.672	12.381.717.034
Phải trả người bán			19.521.573.768	21.178.243.925
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Mua hàng, thi công xây dựng	5.206.737.325	5.183.558.027
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Mua hàng, thi công xây dựng	14.314.836.443	15.994.685.898
Người mua trả tiền trước			942.140.680	902.161.649
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Trả trước thi công xây dựng	942.140.680	802.161.649
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Trả trước thi công xây dựng	-	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính			11.659.529.720	9.671.499.998
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay	195.500.000	195.500.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay	2.841.000.000	4.121.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	3.254.999.998
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Vay	8.623.029.720	2.100.000.000
Các khoản phải trả khác			1.638.715.681	1.060.000.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Phải trả khác	1.638.715.681	1.060.000.000

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động khác	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu thuần	47.922.475.294	8.432.907.977	85.159.783.500	-	549.213.518	142.064.380.289
Giá vốn	21.060.018.099	9.024.747.356	124.396.463.347	-	217.657.928	154.698.886.730
Lợi nhuận gộp	26.862.457.195	(591.839.379)	(39.236.679.847)	-	331.555.590	(12.634.506.441)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	26.862.457.195	(591.839.379)	(39.236.679.847)	-	331.555.590	(12.634.506.441)
Doanh thu hoạt động tài chính						96.555.963
Chi phí tài chính						(69.100.509.975)
Lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết						(57.723.729)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng						(18.471.704.635)
Lợi nhuận khác						(1.365.472.921)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(3.253.774.914)
Lợi nhuận trong kỳ						(104.787.136.652)

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

[illegible]

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2025 như sau:

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2025 như sau:							Đơn vị tính: VND
	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động khác	Tổng	
TÀI SẢN							
Tài sản phân bổ	1.134.241.036.590	77.071.290.946	483.311.534.168	289.388.824.427	336.046.983.184	2.320.059.669.315	
Tài sản không phân bổ						829.299.105.142	
Tổng tài sản						3.149.358.774.457	
NỢ PHẢI TRẢ							
Nợ phải trả phân bổ	711.162.093.257	66.836.544.368	924.793.844.523	190.337.061.021	98.776.323.717	1.991.905.866.886	
Nợ phải trả không thể phân bổ						530.671.229.191	
Tổng nợ phải trả						2.522.577.096.077	

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2025 như sau:							Đơn vị tính: VND
	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động khác	Tổng	
TÀI SẢN							
Tài sản phân bổ	1.106.990.019.617	78.655.473.998	500.110.270.845	290.790.890.984	344.204.540.868	2.320.751.196.312	
Tài sản không phân bổ						859.798.256.315	
Tổng tài sản						3.180.549.452.627	
NỢ PHẢI TRẢ							
Nợ phải trả phân bổ	678.087.398.900	66.868.419.386	916.077.074.842	201.286.124.690	99.188.630.223	1.961.507.648.041	
Nợ phải trả không thể phân bổ						487.472.989.554	
Tổng nợ phải trả						2.448.980.637.595	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 VND bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 VND (gồm 310.000.000.000 VND tiền gốc và 90.000.000.000 VND tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 VND nói trên.

Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 VND trong 400.000.000.000 VND mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 VND nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 VND được xác định là vật chứng vụ án cho ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10/12/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HĐQT về việc hủy việc thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 tại ngày đăng ký cuối cùng 23/9/2024 và thống nhất về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 là ngày 06/01/2025 để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Ngày 01/7/2025, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 09 NQ/VNECO-HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 không muộn hơn ngày 20/9/2025.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025 theo quy định tại khoản 2, Điều 139, Luật doanh nghiệp năm 2020.

Ngày 07/01/2025, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam khởi kiện Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 do chậm thanh toán nợ gốc 28.449.619.599 VND, lãi trong hạn 5.575.699.917 VND (tạm tính đến ngày 27/11/2024) và lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 27/11/2024 đến khi trả hết nợ. Tại ngày lập Báo cáo, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 chưa nhận được kết luận cuối cùng của Tòa án nhân dân đang thụ lý vụ án.

Ngày 30/5/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 do chậm thanh toán nợ gốc 24.518.000.000 VND, nợ lãi 4.834.613.501 VND, lãi phạt quá hạn 2.189.274.542 VND, lãi chậm trả là 237.329.201 VND (tạm tính đến ngày 28/5/2025) và toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh sau ngày 28/05/2025 cho đến khi Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 12/8/2025, hai bên tiến hành thủ tục hòa giải nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại ngày lập Báo cáo, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 chưa nhận được kết luận cuối cùng của Tòa án nhân dân đang thụ lý vụ án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Anh Tuấn

